

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	86.070.511.630	327.372.521.804	267.929.947.655
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	1.317.715.498	109.444.875
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	86.070.511.630	326.054.806.306	267.820.502.780
4.	Giá vốn hàng bán	11		64.305.485.808	255.760.909.056	204.221.155.756
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.765.025.822	70.293.897.250	63.599.347.024
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	118.247.891	1.597.035.580	4.818.096.324
7.	Chi phí tài chính	22	5.3	4.107.339.226	11.879.087.453	9.125.425.649
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.107.339.226	11.878.754.536	9.125.127.672
8.	Chi phí bán hàng	24	5.4	9.094.503.510	27.085.056.934	9.621.585.245
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	4.538.875.249	18.627.581.098	16.192.390.775
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.142.555.728	14.299.207.345	33.478.041.679
11.	Thu nhập khác	31	5.6	29.258.217	3.111.536.513	1.008.955.398
12.	Chi phí khác	32	5.7	640.584.546	1.897.148.549	1.541.620.620
13.	Lợi nhuận khác	40		(611.326.329)	1.214.387.964	(532.665.222)
14.	Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45		33.280.000	180.789.007	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.564.509.399	15.694.384.316	32.945.376.457
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.069.745.280	3.215.682.362	8.675.837.494,00
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(346.248.826)	(175.164.850)	(276.211.908)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính